TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 3108/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2022
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức đã xét xử công khai vụ án thụ lý số 153/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4396/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 5144/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà L T K H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Ph V Th, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà L T K H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Ph V Th tự nguyện kết hôn từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001. Thời gian đầu, vợ chồng chung

sống khá hạnh phúc. Sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc và tình cảm. Ông Th thường xuyên đi nhậu về gây sự, cãi vã. Rất nhiều lần, cả hai đã cùng nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình và nuôi dạy các con nhưng mâu thuẫn giữa hai bên vẫn không được cải thiện. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, sự chia sẻ và cảm Th; cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tại Tòa, bà xác định không còn tình cảm với ông Th, yêu cầu Tòa án giải quyết dứt khoát cho bà được ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Bà và ông Ph V Th có 02 con chung tên Ph V Th1, sinh ngày: 03/02/2002 và Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung tên Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung; sau khi ly hôn, bà sẽ dọn ra ngoài thuê nhà trọ để ở, cuộc sống khá khó khăn, ông Th có nhà, nơi ở và thu nhập ổn định, bà muốn giao con chung cho ông Th nuôi dưỡng để con chung có điều kiện sống và học hành ổn định. Con chung tên Ph V Th1 đã đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Ph V Th đã vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đến khi xét xử mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về giải quyết vụ án:

- Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L T K H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà L T K H xin ly hôn với ông Ph V Th, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Th hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và tiến hành triệu tập đối với bị đơn ông Ph V Th, yêu cầu ông Th đến Tòa để cung cấp lời khai, tham gia phiên

họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ 02 nhưng ông Th vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Ph V Th.

Nguyên đơn bà L T K H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

2. Về nội dung:

- Về hôn nhân: Ông Ph V Th và bà L T K H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của ông Th và bà H được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L T K H yêu cầu được ly hôn với ông Ph V Th vì vợ chồng thường xuyên gây gổ, không còn lòng tin và sự chia sẻ với nhau; bà và ông Th đã nhiều lần cùng nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không có tiến triển tốt. Xét thấy, Tòa án đã tạo điều kiện để ông Th đến Tòa làm việc, tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do là đã không thể hiện ý chí muốn hàn gắn tình cảm. Bà H trình bày cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, rất mệt mỏi, gây nhiều áp lực về tinh thần. Như vậy, hôn nhân giữa bà H và ông Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L T K H và ông Ph V Th có 02 con chung tên Ph V Th1, sinh ngày: 03/02/2002 và Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008. Bà H yêu cầu giao con chung tên Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008 cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy sau khi ly hôn, ông Th vẫn có nơi ở ổn định và tốt hơn so với bà H; bà H trình bày ông Th có thu nhập và chăm sóc con tốt; con chung tên Ph M T trình bày nguyện vọng muốn sống với ba. Do đó để bảo đảm môi trường sống ổn định và điều kiện tốt để con chung phát triển về thể chất, tinh thần nên giao con chung tên Ph M T cho ông Th trực tiếp nuôi dưỡng; bà H không cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung tên Ph V Th1, sinh ngày: 03/02/2002 đã đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L T K H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L T K H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L T K H được ly hôn với ông Ph V Th (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/4/2001).

- Về con chung: Giao con chung tên Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008 cho ông Ph V Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Bà L T K H không cấp dưỡng nuôi con chung tên Ph M T, sinh ngày: 17/3/2008.

Con chung tên Ph V Th1, sinh ngày: 03/02/2002 đã đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L T K H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình:

Bà L T K H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 25585 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cần thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Bà L T K H, ông Ph V Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thủ Đức;
- THA DS TP. Thủ Đức;
- TATP;
- Các đương sự;
- UBND phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Nga